

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC DƯỚI TRIỀU MINH MỆNH (1820-1840)

LÊ THỊ HOÀI THANH*
TRƯỜNG CÔNG HUỲNH KỲ**

Vị trí địa lý gần kề, truyền thống buôn bán lâu đời và lợi ích thương mại của mỗi quan hệ Việt Nam - Trung Quốc là những yếu tố quyết định cho việc vua Minh Mệnh ban hành và thực thi các chính sách nhằm duy trì và phát triển hơn nữa mối giao thương này trong những năm 1820-1840. Những ưu đãi từ phía triều Nguyễn cùng với năng lực kinh doanh của Hoa thương đã khiến họ tiếp tục trở thành thương khách chính yếu trong nền ngoại thương Việt Nam dưới triều vua Minh Mệnh. Đồng thời, quan thuyền của nhà Nguyễn cũng đã được cử đến Quảng Đông (Trung Quốc) để tiến hành buôn bán. Tính chất hai chiều của mối giao thương này đã đáp ứng nhu cầu về hàng hóa cũng như mang lại lợi nhuận cho cả hai phía. Tuy nhiên, song song với những hoạt động thương mại hợp pháp, một bộ phận thương nhân người Việt và Hoa thương đã bất chấp lệnh cấm của triều vua Minh Mệnh để tiến hành buôn bán phi pháp. Điều này khiến bức tranh thương mại Việt - Trung đan xen những mảng màu sáng tối. Vì thế, việc làm sáng tỏ hoạt động thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc là điều cần thiết để có cái nhìn khách quan về nền ngoại thương Việt Nam dưới triều vua Minh Mệnh nói riêng và triều Nguyễn nói chung.

1. Chính sách của triều vua Minh Mệnh đối với Hoa thương

Dưới triều vua Minh Mệnh, nhà nước ban hành chính sách về thuế (nhập cảng, hàng hóa, lưu trú); mặt hàng được/không được phép buôn bán; cứu hộ, cứu nạn đối với thương nhân/thuyền buôn gặp nạn cho tất cả các thương nhân ngoại quốc đến buôn bán tại Việt Nam. Riêng với Hoa thương, xuất phát từ đặc điểm là quốc gia láng giềng có chung đường biên giới trên bộ ở phía Bắc cùng tuyến hải trình từ các tỉnh Nam Trung Quốc đến Việt Nam tương đối thuận lợi, lịch sử buôn bán lâu đời và chính sách “*lạnh nhạt*” với các nước phương Tây do lo ngại về vấn đề an ninh đã tạo điều kiện thuận lợi cho Hoa thương thâm nhập mạnh mẽ hơn vào thị trường Việt Nam.

Chính sách đầu tiên đối với Hoa thương là chính sách thuế, bao gồm thuế lưu trú, thuế nhập cảng, thuế hàng hóa. Tại vùng biên giới, chính sử triều Nguyễn đã nhiều lần nhắc đến hiện tượng “những khách buôn nước Thanh, phần nhiều chở hàng hoá bằng đường bộ” (1). Sau khi qua biên giới, Hoa thương có thể dừng chân buôn bán ngay tại các cửa khẩu hoặc có thể tiến sâu hơn vào nội địa Việt Nam để buôn bán tại các phố chợ như Kỳ Lừa (Lạng Sơn), Mục Mã (Cao Bằng)... Tại đây, những trao

* ThS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

** PGS.TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

đổi giữa thương nhân hai nước không chỉ diễn ra trong một vài ngày mà thậm chí lên đến ba, bốn tháng. Do vậy, triều đình định lệ thuế lưu trú như sau: “Tỉnh Lạng Sơn có nhiều người Thanh đến buôn bán làm ăn, không dưới vài trăm người, so với người đến ngụ cư thành ngạch vào sổ có khác, như sang từ tháng 3 đến tháng 6, 7 mới trở về, cho nộp tiền 3 quan, đến tháng 8, 9

1820, vua Minh Mệnh cho đổi định lệ thuế nhập cảng đã được ban hành dưới triều vua Gia Long theo hướng giảm nhẹ để “tỏ lòng yêu mến người phương xa”. Mức thuế dành cho thuyền buôn đến từ các địa phương của Trung Quốc được định lệ như bảng 1.

Riêng với vùng đất Hà Tiên, kể từ năm 1825 trở đi, thuyền buôn nước Thanh đến buôn bán chiếu theo ngạch thuế ở Gia Định

Bảng 1: Quy định thuế nhập cảng cho thuyền buôn đến từ phủ Quảng Châu, phủ Triều Châu, Châu Nam Hùng, phủ Huê Châu, phủ Thiệu Khánh, tỉnh Phúc Kiến, tỉnh Chiết Giang, Ma Cao năm 1820

Xuất xứ	Cấp bến	Bề ngang thuyền (Đơn vị tính: thước)			
		7-8	9-10	11-13	14-25
Phủ Quảng Châu Phủ Triều Châu Châu Nam Hùng Phủ Huê Châu Phủ Thiệu Khánh Tỉnh Phúc Kiến Tỉnh Chiết Giang Ma Cao	Thừa Thiên Quảng Trị Quảng Bình	21 q/t (3)	42 q/t	54 q/t	84 q/t
	Quảng Ngãi Nghệ An Thanh Hóa	24,5 q/t	49 q/t	63 q/t	98 q/t
	Quảng Nam Bình Định Phú Yên Bình Hòa Bình Thuận Bắc Thành	28 q/t	56 q/t	72 q/t	112 q/t
	Gia Định	35 q/t	70 q/t	90 q/t (4)	140 q/t (5)

Nguồn: *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, tr.403, 407, 410, 414

hoặc cuối năm mới về, cho nộp tiền 5 quan. Tỉnh ấy tới kì cấp bằng vào sổ, chiếu thu ngay. Nhưng cho 3 tháng 1 kì, đem các bằng đã phát tiền, họ, tên, tuổi, quê quán, người khách ấy và hạn số tháng được cấp, rồi tư lên bộ, để tâu chiếu, đến cuối năm số tiền thu thuế được bao nhiêu, sẽ đóng thành sách kính đệ tâu” (2). Quy định này cũng được triều đình cho áp dụng tại tỉnh Cao Bằng nhưng lại có điểm khác biệt là mức thuế đồng loạt đều 5 quan không kể thời gian lưu trú bao nhiêu tháng.

Đối với tuyến thương mại bằng đường biển, thuế nhập cảng được triều vua Minh Mệnh đặt ra ngay từ năm đầu tiên lên nối ngôi và được điều chỉnh qua nhiều lần nhằm phù hợp với thực tiễn. Tháng 11-

mà giảm 2/10 (6). Đến năm 1831, triều vua Minh Mệnh bổ sung mức thuế dành cho thuyền buôn có kích thước từ 26 thước trở lên đến Gia Định. Theo đó, các thuyền buôn Trung Quốc đến từ Quảng Châu, Thiệu Châu, Nam Hùng Châu, Huê Châu, Triệu Khánh, Phúc Kiến, Triết Giang, Ma Cao có bề ngang từ 26 đến 29 thước thì nộp 160 quan/thước; từ 30 - 36 thước thì nộp 180 quan/thước (trừ thuyền của Triều Châu chỉ nộp 130 quan/thước). Các thuyền buôn này nếu đến buôn bán ở Kinh đô và các thành trấn đều chiếu lệ giảm dần xuống (7).

Sau một thời gian dài thực thi theo định mức thuế nhập cảng được ban hành năm 1820 và năm 1831, triều vua Minh Mệnh

tiếp tục có những điều chỉnh về định mức thuế cho thuyền buôn Trung Quốc. Nếu trước đây, thuế ở các doanh, trấn sẽ căn cứ theo ngạch thuế ở Gia Định mà giảm từ 2 phần đến 3, 4 phần bởi lẽ lúc đó hoạt động buôn bán tại các nơi này còn hạn chế. Nhưng sau hơn 10 năm, từ Bình Thuận trở ra Bắc, hoạt động thương mại của các thuyền buôn ngày càng phát triển. Việc buôn bán ở Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình) và Hà Nội không thua kém gì ở Gia Định. Do vậy, năm 1834, bộ Hộ tấu trình bảng thuế mới. Đối với thuyền buôn ngoại quốc, trong đó có thuyền buôn Trung Quốc đến buôn bán ở 6 tỉnh Nam Kỳ cứ như lệ

miễn/giảm nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho Hoa thương. Ví như, tháng 1-1833, triều đình đã giảm bớt ngạch thuế cho những thuyền buôn Phúc Kiến. Trước đây, thuế thuyền buôn Phúc Kiến nặng hơn Triều Châu nhưng hiện do dân nghèo, giá trị hàng hóa cao, ít người đến buôn bán nên vua Minh Mệnh cho phép từ năm này, những người Phúc Kiến có đến buôn bán ở các tỉnh thì chịu mức thuế như của người Triều Châu (8). Ngoài ra, triều vua Minh Mệnh còn giảm thuế trong trường hợp thuyền buôn gặp nạn.

Bên cạnh thuế nhập cảng, thương nhân Trung Quốc còn phải tuân thủ thuế hàng

Bảng 2: Quy định thuế nhập cảng cho thuyền buôn đến từ phủ Triều Châu năm 1820

Xuất xứ	Cấp bến	Bể ngang thuyền (Đơn vị tính: thước)			
		7-8	9-10	11-13	14-25
Phủ Triều Châu	Thừa Thiên Quảng Trị Quảng Bình	18 q/t	20 q/t	42 q/t	66 q/t
	Quảng Ngãi Nghệ An Thanh Hóa	21 q/t	35 q/t	49 q/t	77 q/t
	Quảng Nam Bình Định Phú Yên Bình Hòa Bình Thuận Bắc Thành	24 q/t	40 q/t	56 q/t	88 q/t
	Gia Định	30 q/t	50 q/t	70 q/t	110 q/t

Nguồn: *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, tr.403, 407, 410, 414

thành Gia Định cũ, tính thước đánh thuế toàn ngạch. Còn về Tả Kỳ từ Bình Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng) trở ra, đến Quảng Nam (nay là Thành phố Đà Nẵng) thuộc Nam Trực, về Bắc Trực từ Quảng Trị trở ra đến Ninh Bình thuộc Bắc Kỳ, đều chiếu theo ngạch thuế Nam Kỳ, giảm 1 phần 10. Các tỉnh Nam Định, Hà Nội và các tỉnh ngoài ở Bắc Kỳ, đều đánh thuế toàn ngạch như Nam Kỳ. Riêng đối với Thừa Thiên là nơi kinh đô vẫn giữ như lệ trước (giảm 4 phần 10 so với Nam Kỳ).

Trong một số trường hợp, mức thuế đã được triều vua Minh Mệnh cho phép

hóa được quy định như sau: mua các hàng quý như đậu khấu, hồ tiêu, nhục quế, ngà voi, sừng tê, yến sào, gỗ vang, gỗ mun, gỗ hồng sắc, sa nhân mễ, sa nhân quả, đều cứ theo giá mua 100 quan thì đánh thuế 50 quan, mua gỗ (trừ gỗ lim, kiền kiền) làm cột buồm, bánh lái, neo, gỗ ván, giá mua 100 quan thì đánh thuế 10 quan. Liên quan đến hàng hóa còn là quy định về các mặt hàng cấm buôn bán tại thị trường Việt Nam dành cho Hoa thương. Theo đó, Hoa thương không được phép mua gạo (9), vàng, bạc (10), tơ lụa (11), quế, đường (12) và bán thuốc phiện (13) tại thị trường Việt Nam.

Ngoài định mức thuế, chế độ thuế ngoại thương của triều vua Minh Mệnh còn là những thể lệ liên quan đến việc khai báo, quản lý thuế của chính quyền; cách thức nộp thuế đối với các thuyền buôn. Theo đó: “Phàm đến buôn ở Kinh, đã đánh thuế rồi mà năm ấy lại đến Quảng Nam hoặc Gia Định thì vẫn được miễn thuế. Đến buôn ở Quảng Nam mà lại đến Gia Định hoặc đến buôn ở Gia Định làm lại đến Quảng Nam thì cũng theo lệ ấy” (14). Như vậy, trong một năm, nếu thuyền buôn đến nhiều lần thì họ chỉ phải nộp thuế cảng ở bến cảng đầu tiên.

Nộp thuế nhập cảng bằng tiền hay bạc cũng được triều đình đặt ra. Theo quy định năm 1822, thuế nhập cảng nộp bằng tiền đồng. Tuy nhiên, nhà nước vẫn cho phép nộp bằng bạc theo trị giá “Cứ mỗi phiến nặng 7 đồng cân 2 phần tính trừ giá tiền 1 quan 5 tiền; bạc trung bình mỗi lạng trừ

nộp bằng tiền. Tuy nhiên, đây chỉ là đặc cách nhất thời chứ không thành lệ. Quy định nộp thuế bằng bạc một lần nữa được triều đình đặt ra năm 1840: “Phàm thuyền buôn của các địa phương đến buôn, không cứ người buôn nước Thanh, người buôn Tây dương phải nộp thuế nhập cảng, và thuế lệ các cửa quan bến tuần ở các hạt Bắc Kỳ. Lệ phải nộp một nửa bằng bạc. Nếu xin nộp bạc tốt tính làm bạc 10 thành, bạc đồng Tây dương tính làm bạc 9 thành, bạc vụn thì tính làm bạc 8 thành, bạc Thổ thì tính làm bạc 7 thành. Bạc 10 thành coi như bạc tốt nhất; bạc 9 thành cứ 10 lạng tính ăn 8 lạng; bạc 7 thành ăn 7 lạng. Cho nhà buôn chiếu theo chất bạc mà chiết nộp, bất tất nhất khái thu bạc tốt thành đĩnh. Ai dám chọn loại giảm giá thì bắt tội” (16).

Về thủ tục nhập cảng, khi thuyền buôn đến các cảng biển, chủ thuyền tiến hành khai báo số lượng người, hàng hóa, cam kết

Bảng 3: Quy định thuế nhập cảng cho thuyền buôn đến từ phủ Quỳnh Châu, phủ Lôi Châu, phủ Liêm Châu, nước Ma Lục Giáp và nước Chà Và năm 1820

Xuất xứ	Cấp bến	Bề ngang thuyền (đơn vị tính: thước)		
		7-9	10-13	14-20
Phủ Quỳnh Châu Phủ Lôi Châu Phủ Liêm Châu Nước Ma Lục Giáp	Thừa Thiên Quảng Trị Quảng Bình	12 q/t	33 q/t	63 q/t
	Quảng Ngãi Thanh Hóa Nghệ An	14 q/t	38 q/t	73,5 q/t
	Quảng Nam Bình Định Phước Yên Bình Hòa Bình Thuận Bắc Thành	16 q/t	44 q/t	84 q/t
	Gia Định	20 q/t	55 q/t	105 q/t

Nguồn: *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, tr. 404, 407, 411, 414

giá 2 quan 8 tiền” (15). Cũng có lúc nhà nước lại bắt buộc thuyền buôn nước ngoài nộp một nửa tiền và một nửa bạc. Trong trường hợp nếu thiếu bạc thì thuyền buôn có thể chiết nộp bằng tiền. Năm 1829, thuyền buôn tới Gia Định đã nộp 81 hốt 5 đĩnh bạc, số còn thiếu được triều đình cho

không buôn bán các mặt hàng cấm (17), nộp thuế cảng, thuế hàng hóa. Khác với các thuyền buôn ngoại quốc khác, thuyền buôn Trung Quốc đến Việt Nam với số lượng người rất lớn. Vì thế, triều đình ra lệnh cho viên tấn thủ phải căn cứ vào số người trên thuyền là bao nhiêu, làm thành 3 quyển sổ.

Trong sổ ghi rõ họ tên, quê quán. Một quyển nộp quan địa phương sở tại, một quyển để ở thành, một quyển đưa về bộ để lưu chiếu. Tối ngày thuyền về, xem sổ người đưa về là bao nhiêu, làm sổ điểm mục do quan sở tại sao ra đưa cho viên tấn thủ dùng làm bằng để kiểm xét. Còn những khách ở lại thì triều đình ra lệnh cho bang trưởng, lý trưởng phải kiểm tra, phân biệt hạng người có với hạng người không có vật lực để theo lệ thu thuế (18). Sau khi hoàn tất các thủ tục, thương thuyền Trung Quốc được phép bán hàng hóa, trước tiên là bán cho chính quyền nhà Nguyễn (nếu có), sau đó mới đến các tư thương.

Bên cạnh thiết lập chế độ thuế khóa, quy định cách thức buôn bán, mặt hàng buôn bán, triều vua Minh Mệnh đặc biệt quan tâm đến công tác cứu hộ, cứu nạn thuyền buôn Trung Quốc. Trên tuyến thương mại đường biển, không ít lần thuyền buôn Trung Quốc gặp nạn bởi thiên tai, hải tặc. Trước những tai nạn không mong muốn này, triều vua Minh Mệnh nhanh chóng cử quan quân tiến hành cứu hộ, cứu nạn. Ngoài ra, triều vua Minh Mệnh còn tăng cường hoạt động tuần tra biển (19) và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược đảm bảo an ninh, trật tự vùng biển, đảo, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho hải trình thương mại của các thương nhân ngoại quốc, trong đó có Hoa thương.

2. Hoạt động thương mại của Hoa thương tại Việt Nam

Thương nhân Trung Quốc đến Việt Nam bằng đường bộ và đường biển. Với đường bộ, các cửa khẩu trở thành địa điểm tiếp xúc đầu tiên của thương nhân hai nước. Đó là các cửa khẩu ở Lạng Sơn (trấn Nam

Quan, Do Thôn Ải, Đồng Đăng), Cao Bằng (Bình Nhi quan, Thủy khẩu quan), Móng Cái (Quảng Yên). Với đường biển, thuyền buôn Trung Quốc xuất phát từ các tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến cập các bến cảng thuộc Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên (nay là Thành phố Huế), Quảng Nam, Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai), Gia Định, trong đó tập trung nhiều nhất ở cửa Lác (Nam Định), cửa Đại Chiêm (Quảng Nam), cửa Đại Cổ Lũy (Quảng Ngãi), cửa Cần Giờ (Gia Định). Ngoài ra, những cơ sở kinh doanh của người Hoa cũng là điểm đến thường xuyên của các Hoa thương, nổi bật là phố Hàng Buồm và phố Quảng Phúc (huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội) hay ở Bao Vinh (phủ Thừa Thiên). Mô tả của Michel Đức Chaigneau cho thấy rõ hơn điều này: “Thương thuyền Trung Hoa cập cảng biển của Kinh thành [Thuận An] rồi theo một đoạn đường sông dài khoảng mười hai cây số ngược dòng lên tận Bao Vinh, nơi người Hoa có những kho hàng và cửa hiệu, nhưng họ không được phép đi xa hơn” (20). Như vậy, khác với thuyền buôn Tây dương, thuyền buôn Trung Quốc được phép đến bất kỳ các cảng biển miễn là họ có thẻ bài và tuân thủ theo lệ định về thủ tục nhập cảng của triều Nguyễn. Đồng thời, những ưu đãi từ phía chính quyền nhà Nguyễn cộng với nhu cầu hàng hóa giữa hai nước đã khiến số lượng thuyền buôn Trung Quốc chiếm vị trí hàng đầu trong số khách thương ngoại quốc có mối giao thương với triều vua Minh Mệnh. Ngoài thuyền buôn đến buôn bán, một số lượng lớn thuyền không chở thuê hàng hóa và hành khách cũng đã hiện diện tại các bến cảng Việt Nam.

Hàng hóa trao đổi giữa hai nước rất phong phú với nhiều chủng loại. Những sản vật của Việt Nam luôn thu hút Hoa thương, như vua Minh Mệnh đã từng khẳng định: “Thổ sản nước ta như ngà voi, sừng tê, người nước Thanh lấy làm quý lắm” (21). Ngược lại, chính quyền nhà Nguyễn và thị trường Việt Nam lại cần đến tơ, trà, thuốc bắc, trái cây của Trung Quốc. Điều này đã được Đức Chaigneau ghi nhận rằng thuyền buôn Trung Quốc thường “mang đến tơ lụa, đồ sứ, trà, thuốc bắc, trái cây, mít, đồ chơi trẻ con, rồi quay về với một lượng vừa phải những sản phẩm xứ An Nam, như cau khô, tơ thô, gỗ mạy, dầu bóng Đàng Ngoài, da tê giác, da voi, ngà voi,...” (22).

Ngoài những mặt hàng kể trên, nếu

và không được phép buôn bán tại thị trường Việt Nam nhưng một số thương nhân người Thanh vẫn vi phạm. Nổi bật nhất trong đó là buôn lậu gạo và thuốc phiện. Xuất phát từ nhu cầu lớn từ thị trường Trung Quốc, Hoa thương đã đến Việt Nam thu mua gạo để đem về nước. Với mặt hàng thuốc phiện, họ cũng đã bất chấp lệnh cấm của triều Nguyễn để đem thuốc phiện vào thị trường Việt Nam. Tháng 3-1831, quan nhà Nguyễn đã phát hiện thuyền buôn người Thanh chở theo thuốc phiện khi đang đi tuần tra biển. Cũng trong năm này, triều Nguyễn đã tịch thu tài sản trị giá tiền là 2 vạn của phạm nhân người Thanh khi đã mang thuốc phiện đến Hà Tiên (26). Hay tháng 6-1838, quan tỉnh Quảng Ngãi khám

Bảng 4: Các mặt hàng xuất nhập khẩu của thương nhân Trung Quốc

Xuất khẩu	Nhập khẩu
Tơ lụa, gấm, đoạn, sa, lĩnh, trầu, hàng sợi len (Quảng Châu), vải trắng, vải in hoa, nhung, tất chỉ Ngân châu Đồ sứ Trà, dược liệu (thuốc bắc, dầu bạc hà, dầu ngự phong, dầu tường vi), rượu Trái cây (quả lê, hồng (23), táo), mít Đồng, thiếc Gạch (24) Giấy trắng, giấy phủ tường, giấy màu, giấy vẽ hoa, giấy thiếp vàng dùng trong tang lễ.	Cau hột, đậu khấu Ngà voi, da voi, sừng tê, gạc nai, lông chim Cá khô (25) Đường, quế

thương nhân người Thanh gặp sự cố thuyền bị hư hỏng thì họ được phép mua gỗ để tu sửa và phải chịu mức thuế theo quy định của nhà Nguyễn. Cũng giống với các khách thương khác, khi đặt chân đến Việt Nam, Hoa thương sẽ tiến hành giao dịch với hai đối tượng: triều Nguyễn và thương nhân người Việt. Và tùy theo từng đối tượng mà Hoa thương sẽ phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định của triều Nguyễn về những mặt hàng được/không được phép buôn bán. Mặc dù triều vua Minh Mệnh đã quy định cụ thể những mặt hàng được phép

bắt được thuyền nhà Thanh chở lậu thuốc phiện sống 65 cân, thuốc phiện chín 25 lạng (27). Tình trạng buôn lậu thuốc phiện vẫn tiếp diễn khiến triều vua Minh Mệnh phải đưa ra những biện pháp cứng rắn hơn, như bắt thương nhân người Thanh phải ghi vào sổ cam kết không mang hàng quốc cấm khi nhập cảng; đổi định cách thức kiểm tra thuyền từ Nam Định đến Bắc Thành để tránh việc thuyền mang theo hàng quốc cấm; trừng phạt nghiêm khắc quan lại dung túng, bao che cho Hoa thương hay mắc phải sai phạm trong quá trình khám xét.

Không chỉ tham gia vào con đường buôn lậu thuốc phiện như đã trình bày, một bộ phận Hoa thương còn có những hành vi gian dối như giả gặp nạn trên biển, thu hẹp ván thuyền, giấu hàng hóa nhằm giảm mức thuế. Ví như, tháng 10-1838, dù rằng không gặp bão nhưng Hoa thương đã báo với chính quyền nhà Nguyễn rằng thuyền buôn gặp gió bão trên biển để được miễn thuế. Điều này đã được bộ Hộ phát hiện và tâu với triều đình rằng: “Gần đây các địa phương báo có thuyền buôn người Thanh nhân gặp gió đậu vào, cầu xin nhỏ neo chờ cho thuận gió, còn thuế lệ phải nộp, hoặc miễn cả, hoặc giảm 1 nửa, thực là để thương người buôn xa, nhưng người buôn nước Thanh xảo trá trăm đường, chưa đủ

tin cả. Trong đó hoặc giả làm tình hình gặp gió, đi đến các phận của biển nói dối là bỏ neo, chờ thuận gió, đậu lâu đến 5, 6 tháng, lúc đó có lén lút đem hàng hóa bán ngầm, tưởng cũng thế không thể không, nên châm chước định lượng chương trình để phòng chỗ tệ” (28). Vì vậy, bộ Hộ cũng đã tâu trình: “Xin phàm thuyền buôn có nhân gặp gió đến các phận của biển thì quan sở tại xét xem quả là cột buồm, cột lái có hỏng gãy, buồm và dây đứt rách, đích xác có thực trạng nạn gió, mà trong thuyền hàng hóa đều không, cùng là tuy có hàng hóa, mà chỉ là đồ tạm để mua củi nước, trong 10 ngày đi ngay, thì mới được tâu xin miễn thuế. Ngoài ra, như trong thuyền còn có hàng hóa, mà đồ lại đến 1 tháng trở lên, thì

Bảng 5: Nhà nước cử phái viên sang Quảng Đông mua bán hàng hóa

Ngày	Loại	Xuất xứ	Trích yếu nội dung
8-10-1824	Tầu	Tổng trấn Bắc Thành	Tổng trấn Bắc Thành Lê Tông Chất tâu: Hành nhân Khang Hữu Đức đến Quảng Đông công vụ, ngày mồng 6 tháng này trở về đến Bắc Thành, đem theo 1 phong thân văn của các đội nhất vệ tiền doanh tiền phong thuộc thị nội Nguyễn Đắc Sứ và Hồ Trí, trong đó nói rằng, bọn ấy phụng biên danh trà 1 hòm, mật có đặc 2 hòm... gửi hộ thuyền Hải Nam Lý Trạch Ký chở về phụng nạp. Thương thuyền ấy ngày nào về đến Bắc Thành phụng sức cho thuộc viên kiểm tra, thu nhận các vật phẩm do Nguyễn Đắc Sứ phụng nạp.
25-5-1827	Chiếu		Chiếu cho Phó vệ úy vệ Tiền doanh tiền phong Thị nội sứ thành hầu Nguyễn Đắc Sứ. Nay xét cho hội cùng với Lê Nguyên Đán, Nguyễn Đức Khuê... 9 viên đến Quảng Đông chiếu theo đơn hàng của nội vụ chọn mua hàng hóa chở về phụng nạp. Chiếu cho thự Thiêm sự bộ Binh Đán Đức bá Lê Nguyên Đán nay xét hội cùng bọn Nguyễn Đắc Sứ, Nguyễn Đông Khê... 9 viên đến Quảng Đông chiếu theo đơn giao hàng của phủ Nội vụ chọn mua hàng hóa chở về phụng nạp.
19-10-1827	Tầu	Tổng trấn Bắc Thành	Quyển năm ấn triện Tổng trấn Bắc Thành Trương Văn Minh, Hộ tào thần Nguyễn Đức Hội kính cẩn tâu ngày tháng 8 năm nay nhận được tư văn của bộ Hộ trình bày ngày tháng 6 năm nay vâng phái bọn Lê Nguyên Đán tất cả 10 người nhận lãnh các loại trong kho đi thuyền lớn Thanh Ba đến Quảng Đông chọn mua hàng hóa.
13-4-1829	Tầu	Bảy tôi	Chúng thần kính được sai đến Quảng Đông công vụ kính tâu: ngày mồng 7 tháng này thuyền dừng đậu ở bến Pháo Đại Hà Lạp Đức tỉnh đó. Thần Tôn Thất Tín, Hồ Văn Trị ngày lên tỉnh thành thăm hỏi các loại hóa cần tìm. Nay có thuyền buôn Tục Đại Lợi ở Giang Môn đến Bắc Thành buôn bán. Chúng thần kính chọn các loại hoa quả nước Thanh giao cho Chu Tử ký nhận giao cho thuyền đó lĩnh chuyển. Tất cả các loại hoa quả nước Thanh kính liệt kê ở sau: Kê khai: Phúc Thị 1 thùng, Nát táo 1 thùng, Càn Phong lật 1 thùng. Phụng chỉ: Đã biết.
5-6-1829	Tư trình	Bắc Thành	Phó tổng trấn Bắc Thành họ Phan tư trình: Kỳ trước căn cứ phái viên đến Quảng Đông mua sắm, hiện đem về Hoa lê lựu và 10 liên lụa đoạn... 40 cân sâm tây các loại. Trích lấy các hạng lụa đoạn mỗi loại 1 liên và sâm tây mỗi loại 2 cân phái ủy cho viên Vệ nhập lưu thư lại Lê Bá Viện nhận nạp về Bộ.
7-9-1829	Tầu	Bảy tôi	Chúng thần khâm phái vâng Quảng Đông công vụ tâu: Tháng 2 năm nay chúng thần được điều đến Quảng Đông thi hành công vụ từng mang hàng hóa đi theo.
29-10-1829	Tầu	Bộ Hộ	Chúng thần bộ Hộ kính tâu: ngày tháng 9 năm nay phụng mệnh phái bọn Nguyễn Văn Chương đến Quảng Đông công vụ, lần này có lĩnh các loại hàng hóa mang đến Quảng Đông làm việc.
13-5-1838	Tầu	Hồ Văn Hạo	Chúng thần được phái theo thuyền Nam Hưng đi Quảng Đông làm việc công kính tâu: Nay xét các loại hàng thuyền của công nhận chở do bộ Hộ kê khai, trừ 14 vạn cân gỗ lim ra, còn lại các loại yến sào, bóng cá ước hơn 6 vạn cân.

Nguồn: *Châu bản triều Minh Mạng* tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I

không kể có buôn bán hay không, phải chiếu ngạch thuế phải nộp theo lệ trưng thu, không được tâu xin khoan giảm” (29).

3. Hoạt động thương mại của triều vua Minh Mệnh và tư thương với Hoa thương

Hoạt động buôn bán của triều vua Minh Mệnh với Hoa thương

Cùng với việc trực tiếp giao dịch với các thuyền buôn Trung Quốc ở trong nước, triều đình còn cử quan lại thuộc phủ Nội vụ, ty Hành nhân đáp thuyền sang Trung Quốc để chọn mua hàng hóa. Theo *Đại Nam thực lục*, nhà vua đã sai hành nhân Quan Vĩnh Phát (tháng 3-1820), Nội hàn Trần Vĩnh Hựu và Phan Khắc Ty, Nội vụ phủ Lương Phúc Đồng và Vũ Hữu Lễ (tháng 6-1820); Cai đội Hồ Văn Khuê, Điển bạ Lê Nguyên Đản, Phó kỳ úy Hoàng Á Hắc (tháng 6-1822) sang nước Thanh để mua hàng hóa.

Việc triều vua Minh Mệnh cử phái viên sang Quảng Đông mua bán hàng còn được thể hiện rõ qua nguồn tư liệu Châu bản (xem bảng 5).

Bên cạnh đó, triều vua Minh Mệnh còn sử dụng một bộ phận người Hoa sinh sống ở Việt Nam để mua hàng cho nhà nước. Châu bản ngày 14 tháng 4 năm Minh Mệnh thứ 7 (1826) là bản Tấu của Hiệp tổng trấn Bắc Thành cho biết quan trấn đã sai người hai phố Hàng Buồm, Quảng Phúc mua chè cho triều đình. Trên cơ sở những đơn đặt hàng của triều đình, thương nhân ở hai phố Hàng Buồm và Quảng Phúc chủ động tiến hành thu mua bằng nhiều phương thức. Chẳng hạn, năm 1829, họ đã ủy phái người sang nước Thanh tìm mua lục sa, trà, sa nhân, sâm. Hoạt động mua hàng thông qua trung gian luôn được triều đình giám sát chặt chẽ. Quan phụ trách có trách nhiệm báo cáo về tình hình mua hàng, giá cả, tiền thuế, cước phí rõ ràng cho triều đình. Để tăng cường hơn nữa trách nhiệm và hiệu quả thu mua hàng hóa cho triều đình, tháng 3-1832, vua sai Hà Nội chọn đặt chức hàng trưởng 2 phố Quảng Đông và Phúc Kiến ở Hàng Buồm để chuyên trách công việc này.

Trong quan hệ thương mại giữa Hoa

Bảng 6: Mặt hàng tơ lụa, vải, áo Trung Quốc được mua từ các chuyến công cán của triều đình

Mặt hàng	Năm	Loại/số lượng	Đơn giá
Gấm đoạn	1820	Áo đoạn gấm thượng hạng, kiểu hoa “hồi văn chữ thọ” bằng vàng thật (8 áo); áo đoạn gấm thượng hạng, kiểu hoa “thỏ tước giống sen” bằng vàng thật (10 áo); áo đoạn gấm thượng hạng, kiểu hoa “đào sen lông cành” bằng vàng thật (10 áo); áo đoạn gấm thượng hạng, kiểu hoa “chữ nhân như ý” bằng vàng thật (4 áo)	Hơn 27 lạng 4 đồng cân 8 phần bạc/ 1 áo
	1829	- Gấm kiểu hoa “lăng hoa lê lựu” màu đỏ. - Gấm kiểu hoa “lăng hoa lê lựu” màu bảo lam.	- 19 lạng bạc/ 1 tấm - 17 lạng 5 đồng cân bạc/ 1 tấm
	1839	- Gấm hoa, đồ ngũ thể, điểm hoa cúc dây bằng vàng - Gấm ngũ thể, điểm hoa cúc dây bằng vàng	- 27 lạng 5 đồng cân bạc/ 1 tấm - 19 lạng 5 đồng cân bạc/ 1 tấm
	1840	- Gấm ngũ thể, kiểu hoa “cúc dây, da, bóm” điểm vàng. - Gấm màu đỏ, kiểu hoa “mẫu đơn tam phụng” móc vàng	- 17 lạng/ 1 tấm - 24 quan/ 1 tấm
Sa, linh, trừu	1831	- Sa dày dệt tơ xe hoa dưa bóm chìm nổi, hàng sa dày tơ dệt đậu hoa dưa bóm chìm - Hàng sa dày tơ xe 2 kiểu hoa sóng gợn vảy rồng	- 12 quan/1 tấm - 13 quan/1 tấm
Áo cừu	1823	Tấm áo cừu bằng da con ngan (1 tấm)	150 lạng bạc/ 1 áo
Khuy áo	1833	Khuy áo thau	3 quan/ 1000 chiếc
	1836	Khuy hổ phách	9 đồng cân 6 phần bạc/ chục bộ
Hầu bao	1828	Hầu bao gấm	4 quan 5 tiền/ 1 chiếc
Gối	1827	- Gối xếp. Thân gối bọc bằng đoạn tơ nhuộm hoàng màu liên văn, hai đầu bằng đoạn tơ nhuộm màu đỏ thối cảnh hoa con bóm (4 chiếc) - Gối gác chân bằng tơ nhuộm màu vàng, hai đầu bằng đoạn tơ nhuộm đỏ thêu hoa sen chìm uyên (3 chiếc)	- 19 lạng 3 đồng cân 5 phần bạc/ 1 chiếc - 7 lạng 4 đồng cân 5 phần bạc/ 1 chiếc

Nguồn: *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, tr. 449, 450, 452-455

thương với triều Nguyễn, ngoài việc trực tiếp bán hàng cho chính quyền hay tư thương ngay sau khi hoàn thành thủ tục nhập cảng thì một số thuyền buôn cũng được nhà Nguyễn chọn lựa để thu mua hàng hóa tại Trung Quốc theo ý muốn của triều đình. Theo đó, “hàng năm đến tháng 2, cấp cho thuyền buôn nước Thanh đến buôn ở các hạt, mỗi chiếc 3 đến 5 nghìn quan tiền, hoặc 1 hay 2 vạn quan, về nước mua lấy hàng, lần sau đến buôn thì đem nộp, các hàng hóa nên mua do Nội vụ, Vũ khố châm chước ước tính chước lượng kê khai thứ cần dùng, chú rõ ràng hạng số thước tấc, do bộ đưa giao cho thuyền nước Thanh ấy mua, lần sau đem nộp, hàng hóa nào cứ theo đơn giá ấy mà thanh toán” (30). Các thuyền buôn đảm trách việc mua hàng thành công sẽ được miễn thuế nhập cảng, cụ thể: cứ số tiền lĩnh trước mỗi 2 nghìn quan là 1 thành (31), được miễn thuế vào bến 4 thành, 4 nghìn quan được miễn 6 thành, 5 nghìn quan được miễn 7 thành, 6 nghìn quan trở lên được miễn hết tất cả (32).

Triều vua Minh Mệnh thường thu mua từ những mặt hàng cao cấp như ngân châu, tơ lụa, nhân sâm cho đến những sản phẩm phục vụ cho nhu cầu hàng ngày như hoa quả, trái cây.

Hoạt động buôn bán của thương nhân Việt Nam với Hoa thương

Đối với hoạt động thương mại của tư nhân, chính sách cấm thuyền buôn trong nước vượt biển ra nước ngoài đã khiến cho hoạt động ngoại thương của tư nhân chỉ dừng lại ở việc buôn bán với thương nhân người Thanh khi họ đến Việt Nam. Bên cạnh đó, triều đình còn đặt ra quy định về một số mặt hàng được xếp vào danh mục quốc cấm như gạo, vàng, bạc, đường, quế (bán cho Hoa thương) và thuốc phiện (mua từ Hoa thương). Tuy nhiên, trong một số thời điểm, nhà Nguyễn lại cho phép tư

thương được trao đổi một số mặt hàng trước đó đã bị cấm với điều kiện phải hoàn tất việc bán cho nhà Nguyễn, số còn lại mới được bán cho người Thanh. Ví như, năm 1834, sau khi nhà nước đã mua đủ số đường thì gia ân cho các hộ sản xuất đường ở Quảng Nam, Quảng Ngãi được bán cho lái buôn người Thanh nhưng sang năm sẽ lại y theo lệnh cấm trước (33). Tương tự như vậy, vào năm 1835, nhà nước thu mua đủ số lượng quế, do đó, nếu thương nhân hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi có nhu cầu trao đổi với người Thanh thì nhà nước không cấm đoán. Cùng với những hoạt động mang tính hợp pháp thì lợi nhuận từ việc buôn bán gạo cho Hoa thương đã khiến một bộ phận tư thương tham gia vào con đường buôn lậu. Họ lén lút bán gạo cho thương thuyền Trung Quốc. Đặc biệt, khi một số địa phương ở Trung Quốc lâm vào nạn đói thì nhu cầu về gạo lại càng lớn, đồng nghĩa với việc buôn lậu gạo gia tăng. Ví như, tháng 10-1824, hai châu Khâm, Liêm (Quảng Đông) bị đói. Vua Minh Mệnh lo ngại vì “Bắc Thành cùng với hai châu Khâm Liêm giáp giới mà hiện nay giá gạo ở Bắc Thành hơi rẻ, bọn con buôn giáo hoạt chẳng khỏi bán trộm để kiếm lợi” (34). Do đó, triều đình tăng cường khám xét ở cả đường bộ lẫn đường thủy nhằm phát hiện, ngăn chặn “dòng chảy gạo” ra thị trường bên ngoài. Hiện tượng buôn lậu gạo vẫn tiếp diễn khiến triều vua Minh Mệnh phải ra lệnh và nhắc lại lệnh cấm tư thương bán trộm gạo cho người Thanh.

4. Đóng góp và hạn chế của quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc

Việc thiết lập và duy trì mối quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc đã có những đóng góp nhất định đối với sự phát triển của đất nước trong hơn hai mươi năm trị vì của vua Minh Mệnh. Điều đầu tiên dễ dàng nhận thấy là đóng góp về mặt kinh tế. Trước hết đó là sự gia tăng tài chính cho

ngân khố quốc gia thông qua việc thu thuế nhập cảng, thuế hàng hóa, thuế lưu trú tạm thời từ thương nhân người Thanh trong thời gian họ buôn bán tại Việt Nam.

Cùng với nguồn lợi từ thuế khóa, hàng hóa có được thông qua các giao dịch giữa thương nhân Trung Quốc và Việt Nam dưới triều vua Minh Mệnh đã đáp ứng nhu cầu của nhà nước, vua, hoàng tộc và quan lại. Các mặt hàng Trung Quốc hiện diện trong sinh hoạt thường nhật của nhà vua, hoàng tộc thường là ngân châu, nhân sâm, trà, trái cây và các loại vải lụa cao cấp... Không

Thanh gặp nạn trên vùng biển một cách kịp thời, hỗ trợ thuyền buôn gặp hỏa hoạn, trở ngại trong việc buôn bán hay tạo điều kiện thuận lợi cho một bộ phận người Hoa theo thuyền buôn đến định cư đã phản ánh sự quan tâm và ưu đãi của triều Nguyễn đối với thương nhân Trung Quốc.

Bên cạnh những đóng góp tích cực, quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc vẫn còn tồn tại những hạn chế. Mặc dù, hoạt động ngoại thương dưới triều vua Minh Mệnh đã có bước tiến qua việc triều đình cử quan thuyền đến Trung Quốc buôn bán

Bảng 7: Số tiền thuế nhập cảng, tiền lễ, thuế hàng hóa của thuyền buôn Trung Quốc đến Việt Nam dưới triều vua Minh Mệnh

Thời gian	Số tiền	Ghi chú	Châu bản
Từ tháng 10-1824 đến tháng 10-1825	18848 quan 1 tiền 41 đồng	Thuế nhập cảng và thuế hàng hóa của 22 thuyền buôn đến Bắc Thành	Ngày 13-11-1825
Từ tháng 10 năm 1825 đến tháng 10 năm 1826	24585 quan 6 tiền 54 đồng	Thuế nhập cảng của 18 thuyền buôn đến Bắc Thành	Ngày 28-10-1826
Tháng 12-1825	57 quan 2 tiền 52 đồng 9 phân	Thuế nhập cảng của 2 chiếc thuyền buôn đến từ Quảng Đông (Trung Quốc) đến Bắc Thành	Ngày 15-8-1826
Năm 1826	3683 quan 7 tiền 30 đồng	Thuế nhập cảng và tiền lễ của 6 thuyền buôn nước Thanh đến Nghệ An	Ngày 29-10-1826
Từ tháng 12-1828 đến tháng 3-1829	2735 quan 6 mạch 36 văn	Thuế nhập cảng của 5 thuyền Trung Quốc đến Quảng Ngãi	Ngày 7-10-1829
Từ tháng 1 đến tháng 4-1829	6414 quan 9 mạch 37 văn	Thuế nhập cảng và thuế gỗ của 7 thuyền Trung Quốc đến Nghệ An	Ngày 10-10-1829
Từ tháng 12-1829 đến tháng 4 nhuận -1830	4020 quan	Thuế nhập cảng của 9 thuyền buôn Trung Quốc đến Quảng Ngãi	Ngày 6-8-1830
Từ tháng 12-1829 đến tháng 3-1830	4632 quan 2 mạch 30 văn	Thuế nhập cảng của 9 thuyền buôn Trung Quốc đến Nghệ An	Ngày 30-10-1830
Từ tháng 10-1829 đến tháng 10-1830	Thuế nhập cảng: 17.950 quan 8 mạch Thuế hàng quý và gỗ lạt: 9456 quan 6 mạch 26 văn	Thuế của 26 thuyền buôn Trung Quốc đến Bắc Thành	Ngày 10-11-1830
Năm 1836	13840 quan	Thuế nhập cảng của thuyền buôn Trung Quốc đến Hà Nội	Ngày 19-7-1837
Tháng 11-1840	2376 quan	Thuế nhập cảng của hai thuyền buôn Kim Hưng Phát, Kim Thuận Lợi (Trung Quốc) đến Nam Định.	Ngày 9-11-1840

Nguồn: *Châu bản triều Minh Mạng* tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I

chỉ vậy, triều đình còn sử dụng nhân sâm, gấm Tống để ban phát cho các quan lại có công lao hay lực lượng binh lính đang thực hiện các nhiệm vụ triều đình giao phó như là một sự khen thưởng, động viên, khích lệ đối với quan quân.

Ngoài vai trò kinh tế, việc duy trì và phát triển mối giao thương Việt - Trung còn góp phần củng cố quan hệ bang giao hòa hảo giữa hai nước. Chính sách miễn giảm thuế khóa; cứu hộ, cứu nạn thuyền buôn người

nhưng cũng chỉ mới tập trung ở tỉnh Quảng Đông và hàng hóa thu mua chủ yếu phục vụ cho hoàng tộc. Thêm vào đó, thương nhân người Việt chủ yếu thực hiện các giao dịch với Hoa thương tại Việt Nam và không phải lúc nào họ cũng được tự do trao đổi tất cả các mặt hàng với Hoa thương mà phải tuân thủ nghiêm ngặt theo những quy định của triều Nguyễn. Điều này đã không phát huy được ưu thế của những mặt hàng vốn có khả năng xuất khẩu để mang lại lợi nhuận. Không chỉ

vậy, các sai phạm của một bộ phận quan lại (nhận hối lộ, dung túng, bao che cho những gian dối của thương nhân) (35), thương nhân người Việt, Hoa kiều và cả Hoa thương (buôn lậu, trốn thuế, ẩn giấu hàng hóa) (36) đã trở thành vấn đề nhức nhối. Trong đó, nghiêm trọng hơn cả vẫn là vấn nạn buôn lậu gạo và thuốc phiện. Và cho dù triều vua Minh Mệnh đã rất nỗ lực nhưng vẫn không thể ngăn chặn được tình trạng này.

5. Kết luận

Trong hai thập niên 20, 30 của thế kỷ XIX, mối giao thương giữa triều vua Minh Mệnh và thương nhân Việt Nam với thương nhân người Trung Quốc đã vươn lên chiếm giữ vị trí hàng đầu về tầm quan trọng, tần suất giao dịch, đóng góp về nguồn thuế ngoại thương cũng như đáp ứng nhu cầu về hàng hóa cho triều đình, quan lại và dân chúng. Về phía nhà Nguyễn, triều vua Minh Mệnh thi hành chính sách ưu đãi đối với thương nhân người Trung Quốc về thuế và sẵn sàng hỗ trợ cho thuyền buôn gặp nạn trên biển bởi thiên tai, hải tặc, hư hại tàu thuyền. Về phía thương nhân người Trung Quốc, họ đã tuân thủ nghiêm túc những quy định của triều vua Minh Mệnh về thể lệ buôn bán. Ở chiều ngược lại, quan thuyền nhà Nguyễn cũng lần lượt đến Trung Quốc để buôn bán. Việc triều đình chủ động lên kế hoạch về thời gian khởi

hành, cất cử quan lại phụ trách cũng như chọn lựa các sản phẩm mang đi đã thể hiện bước phát triển mới của nền ngoại thương. Đồng thời, thương nhân Việt dưới triều vua Minh Mệnh cũng đã tích cực tham gia vào mạng lưới thương mại của Hoa thương. Và việc duy trì, phát triển mối giao thương Việt - Trung trong những năm 1820-1840 một lần nữa khẳng định tính liên tục của hoạt động ngoại thương Việt Nam với Hoa thương ở thời Trung đại.

Bên cạnh mặt tích cực, những hạn chế trong hoạt động thương mại đến từ cả hai phía vẫn còn tồn tại. Đó là việc cấm tư thương Việt, người Hoa sinh sống tại Việt Nam vượt biển ra nước ngoài buôn bán, độc quyền các mặt hàng của triều Nguyễn; nạn buôn bán trái phép lúa gạo, thuốc phiện hay những sai phạm của một bộ phận quan lại, thương nhân người Việt và người Trung Quốc. Tất cả những đóng góp và hạn chế này đã phản ánh thực chất mối giao thương Việt Nam - Trung Quốc dưới triều vua Minh Mệnh. Do vậy, việc nhận diện rõ nét đặc thù của quan hệ thương mại Việt - Trung trong quá khứ để đúc rút bài học kinh nghiệm trong việc hoạch định chính sách, phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước là điều hết sức cần thiết và có ý nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

CHÚ THÍCH

(1), (7), (8), (18) (26). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 121, 157, 455, 356-357, 249.

(2), (30), (32). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 309-310, 15-16, 15-16.

(3). quan/thuốc.

(4). Lệ trước gộp chung từ 7-13 thuốc, mức thuế 100 quan/thuốc.

(5). Lệ trước là 160 quan/thuốc.

(6). Đến năm 1829, vua Minh Mệnh tiếp tục cho giảm xuống còn 3/10 so với mức thuế ở Gia Định.

(9). Để đảm bảo an ninh lương thực trong nước, triều Minh Mệnh ra lệnh cấm thương nhân trong nước bán lúa, gạo cho các thuyền buôn người Thanh vào các năm 1824, 1827, 1828, 1833, 1836.

(10). Hoa thương quay trở về nước thì “ngoại trừ vật kiện tầm thường cho mang đi theo, còn vàng, bạc hoặc khối, hoặc hốt, hoặc nén, hoặc miếng không cứ nhiều ít, đều không được mang theo ra ngoài bờ cõi, ai trái lệnh đều theo điều

nặng mà trị tội” (Nội các triều Nguyễn, sdd, tập 4, tr. 301).

(11). Năm 1826, triều đình ra lệnh “Ai phạm cấm thì bị tội 100 trượng, tang vật sung công. Người bán cũng bị tội như thế. Thương bạc, tấn thủ và quan địa phương đều xử tội thất sát” (Quốc sử quán triều Nguyễn, sdd, tập 2, tr. 528). Sự việc này được nhắc đến lần nữa trong năm 1837 qua lời dụ của vua Minh Mệnh: “Phàm các hạng lựa hoa nam dân gian dệt ra và những tơ nện, bất cứ hàng sống hàng truội, đều không được trao đổi, xuất khẩu với lái buôn nước Thanh. Nếu trái lệnh, thì người mua bán ấy bị khép vào tội trái phép và trưng thu sung công những món hàng đem bán đó. Quan địa phương và người giữ cửa khẩu sơ suất không xét, cũng giao bộ xét nghĩ tội không tha” (Nội các triều Nguyễn, sdd, tập 5, tr. 427).

(12). Một số thời điểm triều vua Minh Mệnh cho phép bán mặt hàng nhưng rất hạn chế, chính sách chung là cấm buôn bán với Hoa thương.

(13). Những tác hại nghiêm trọng của thuốc phiện đã được vua Minh Mệnh chỉ rõ: “Thuốc phiện là thứ thuốc độc từ nước ngoài đem lại, những phường du côn lêu lổng mới hút cho là phong lưu, rồi chuyển thành thói quen, thường thường nghiện mà không thể bỏ được. Quan thì bỏ cả chức vụ, dân thì phá hết sản nghiệp, thậm chí gây mòn thành tật. Tổn thương cơ thể sinh mệnh” (Quốc sử quán triều Nguyễn, sdd, tập 2, tr. 27). Do vậy, việc cấm các thương nhân Trung Quốc bán thuốc phiện là chủ trương hết sức đúng đắn của triều đình. Lệnh cấm mua bán thuốc phiện được ban hành vào các năm 1820, 1824, 1835, 1839.

(14), (15), (21), (34). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, sdd, tr. 227, 227, 776, 381.

(16), (28), (29). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 5, sdd, tr. 673, 397, 397.

(17). Năm 1839, triều đình quy định chủ thuyền phải làm sổ kê khai số khoang và nhân khẩu trong thuyền. Trong sổ phải cam đoan rằng: “Nếu có ẩn giấu những tạp hóa thường hay hàng hóa quý như châu, ngọc, nhiều đoạn thì cam chịu tính số tang vật nghĩ tội, những hàng hóa ẩn giấu ấy đều sung công; nếu dám mang theo thuốc phiện là vật cấm hay người Tây dương hay thư tín của Tây dương xin cam chịu tội xử tử, thuyền và của cải đều sung công, không dám hối hận” (Quốc sử quán triều Nguyễn, sdd, tập 5, tr. 621).

(19). Trong công tác tuần tra biển, đảo, câu chuyện viên quan đi tuần phạm lỗi đã bị triều đình xử phạt nghiêm minh là minh chứng rõ nét

cho việc nhà Nguyễn luôn đảm bảo quyền lợi, sự an toàn cho thương thuyền Trung Quốc khi đến buôn bán với Việt Nam. Năm 1836, Phó vệ úy doanh Vũ lâm Nguyễn Văn Khách vu khống cho thuyền buôn người Thanh là thuyền giặc và cho Cai đội Lê Văn Khánh, Đội trưởng Đặng Công Đắc cướp lấy hàng hóa. Nhận được tin báo, vua Minh Mệnh chuẩn y xử Nguyễn Văn Khách đầy làm binh ở Hải Vân quan, còn Lê Văn Khánh và Đặng Công Đắc thì đầy, sung làm quân ở đạo Cam Lộ (Nội các triều Nguyễn, sdd, tập 12, tr. 247).

(20), (22). Michel Đức Chaigneau, *Hồi ức về kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX*, Lê Đức Quang dịch, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2020, tr. 251, 251.

(23). Châu bản ngày 27-12-1820 cho biết doanh Quảng Nam đã phái người đến cửa Đại Chiêm mua hồng, vải và táo đen, mỗi thứ 10 cân của thuyền buôn người Thanh đến từ Quảng Đông (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I). Hay tháng 12-1836, triều đình định lệ hàng năm vào tháng 12, tỉnh Hà Nội sẽ mua các thứ hoa quả là lê, hồng và mít do thuyền người Thanh chở đến. Sau đó, tỉnh phái người nhận hàng và cho vận chuyển đến Kinh đô vào các ngày 16, 17 tháng ấy. (Quốc sử quán triều Nguyễn, sdd, tập 4, tr. 1068).

(24). Năm 1827, vua Minh Mệnh xuống Chỉ thu mua gạch tốt từ thuyền buôn Quỳnh Hiệp, với giá 30 quan/1000 viên (Nội các triều Nguyễn, sdd, tập 5, tr. 540).

(25). Cá khô là mặt hàng được thương nhân Trung Quốc mua nhiều. Theo J. Chaigneau, 1 tạ cá khô được mua ở Nam Bộ với giá 2 piastres và bán ở Ma Cao với giá 12 piastres (1 piastre bằng 1 quan 5 tiền).

(27), (33). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 4, sdd, tr. 961, 15.

(31). Thành: nghĩa là 1/10.

(35). Tháng 5-1833, Bối chính Quảng Ngãi Lưu Đình Luyện cùng với thuộc hạ nhận hối lộ 180 lạng bạc để giảm thuế thuyền buôn nước Thanh (Quốc sử quán triều Nguyễn, sdd, tập 3, tr. 576). Tháng 5-1836, Thủ ngự thủ sở An Thái thuộc Vĩnh Long là Lê Văn Nhuận nhận hối lộ, tha cho thương nhân Thanh chở gạo lậu ra biển (Quốc sử quán triều Nguyễn, sdd, 4, tr. 935).

(36). Tháng 1-1840, một thuyền buôn nước Thanh đến Nam Định buôn bán đã lấy ván đóng thuyền chống lên 4 cái, mỗi tầng thu hẹp thuyền lại để giảm thuế (Quốc sử quán triều Nguyễn, sdd, tập 5, tr. 642), hay tháng 6-1840, thuyền buôn nước Thanh giấu hàng hóa không nộp thuế bị quan tỉnh Gia Định phát giác (Quốc sử quán triều Nguyễn, sdd, tập 5, tr. 642).